TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07/4/2020
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lợi.

2. Ông Huỳnh Đăng Nin.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 761/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1996

Địa chỉ: 68/2C Phùng Văn Cung, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 28 Võ Trung Thành, phường Iakring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bị đơn: Ông N, sinh năm 1992

Địa chỉ: đường O, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L trình bày:

Năm 2015, bà L (viết tắt là bà L) và ông N (viết tắt là ông N) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống cho hai người, bà L xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: có 01 con tên T, sinh ngày 28/9/2015. Hiện trẻ T đang ở với ông N và ba mẹ ông N, được chăm sóc tốt. Bà L muốn giao con cho ông N trực tiếp nuôi. Mức cấp dưỡng nuôi con, bà L và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà L khai không có.

Ngày 29/10/2019 bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Bà L khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Toà án.

Ngày 13/12/2019 ông N có lời khai: ông N đồng ý ly hôn với bà L. Về con chung: có 01 con tên T, sinh ngày 28/9/2015. Hiện trẻ T đang ở với gia đình ông N. Ông N đồng ý nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: ông N khai không có. Ông N xin được vắng mặt các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56,58, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L; về con chung: giao trẻ T cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông N không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông N, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định bà L và ông N tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của bà L xin ly hôn ông N, do ông N thường trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L, ông N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/11/2015, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N là hợp pháp. Theo bà L trình bày, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung là nguyên

nhân chính làm cho cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc. Bà L vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hai bên phải cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bà L thì kiên quyết ly hôn, dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải và động viên nhiều lần nhưng tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Căn cứ công văn số 291/UBND ngày 31/10/2019 của Ủy ban nhân dân Phường P, quận Q, về việc trả lời văn bản số 1000/2019/TAPN ngày 29/10/2019 cho Tòa án quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nội dung như sau: Bà L và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường P, quận Q. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử theo quy định pháp luật về hôn nhân gia đình.

Ông N có lời khai đồng ý ly hôn với bà L.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông N ngày càng nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn sự yêu thương, tôn trọng và mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đôi bên không có khả năng đoàn tụ nên nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn của bà L và ông N.

- Về con chung: có 01 con tên T, sinh ngày 28/9/2015. Bà L xác nhận trẻ T được ông N và gia đình trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Hiện cuộc sống của bà L chưa ổn định, bà đồng ý giao con cho ông N nuôi. Ông N đồng ý yêu cầu của bà L. Hội đồng xét xử nhận thấy vì quyền lợi của trẻ nên việc giao trẻ T cho ông N trực tiếp nuôi là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận việc ông N không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong suốt quá trình thụ lý và giải quyết, bà L, ông N khai không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà L chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 68; 71; 81, 82; 83; 84; 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

- Về quan hệ hôn nhân: bà L thuận tình ly hôn với ông N.

- Về con chung: có 01 con tên T, sinh ngày 28/9/2015.

Giao trẻ T cho ông N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc ông N không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà L và ông N đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà L, ông N tự khai không có.

2/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà L chịu, được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà L tạm nộp theo biên lai thu số 0042256 ngày 17/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-VKSND Q.PN;
-CCTHADS Q.PN;
-UBND PP7, Q.Q;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Kim Phụng